TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 105/2023/DS-ST
Ngày: 28-4-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nhất Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Tiến;

2. Bà Đỗ Thị A.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Ngọc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C

Trụ sở: đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông L – Theo văn bản ủy quyền số 380/UQ-QLN.23 ngày 14/3/2023 (Có mặt)

Bị đơn: Ông H, sinh năm: 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2022 của nguyên đơn Ngân hàng C và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông L đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng B (sau đây gọi là ngân hàng B) cấp thẻ tín dụng cho ông H căn cứ theo:

a) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông H ký ngày 17/11/2020.

b) Giấy đề nghị chuyển đổi thẻ tín dụng của ông H ký ngày 15/3/2021.

c) Bản các điều khoản và các điều kiện để sử dụng thẻ tín dụng của ACB.

d) Các văn bản khác của ông H ký với ACB về việc sử dụng thẻ tín dụng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông H đã không thanh toán đầy đủ cho ngân hàng B theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 17/01/2022, ngân hàng B ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn và chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng nêu trên. Tính đến ngày 10/6/2022, ông H còn nợ các khoản sau: Vốn gốc: 84.800.700 đồng, lãi quá hạn: 8.454.115 đồng, tổng cộng: 93.254.818 đồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông H trả ngay cho ngân hàng B tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 10/6/2022 là 93.254.818 đồng (Gồm vốn gốc tính lãi là: 14.900.325, vốn gốc không tính lãi là 69.900.375 đồng, lãi quá hạn là 8.454.115 đồng). Ông H còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Giấy đề nghị chuyển đổi thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng đến khi trả dứt nợ.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập bị đơn đến Toà để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa, Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cung cấp bản sao kê tính đến ngày 28/4/2023 số tiền ông H hiện còn nợ là 118.228.992 đồng (trong đó nợ gốc là 84.800.367 đồng và lãi quá hạn là 33.428.625 đồng)

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Toà án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và ông H, việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật bảo

vệ. Quá trình sử dụng thẻ bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền nợ gốc và lãi nên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ thẻ tín dụng nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*". Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần C với ông H được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào nội dung các bảng tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp đối với thẻ tín dụng của ông H thể hiện trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, loại thẻ Visa Privilege Signature cấp ngày 17/11/2020, sau đó chuyển đổi qua thẻ Visa Platinum, cấp ngày 17/3/2021 với hạn mức là 200.000.000 đồng. Từ ngày 24/3/2021 đến ngày 24/02/2022 ông H thực hiện các giao dịch thanh toán bằng thẻ tín dụng với tổng số tiền là 357.825.466 đồng nhưng chỉ mới thanh toán được cho ngân hàng tổng số tiền là 308.867.535 đồng tính đến ngày 24/02/2022. Do đó, căn cứ quy định tại điểm 5.2 Điều 5 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định: "*Tất cả giá trị giao dịch thẻ, phí, lãi phát sinh trong kỳ được nhập vào số dư nợ đầu kỳ tiếp theo, ngân hàng vẫn được quyền ghi nợ tài khoản thẻ cho dù số dư nợ có vượt hạn mức tín dụng hay không...*". Căn cứ điểm e mục 12.2 Điều 12 quy định quyền và nghĩa vụ của chủ thẻ: "*Thanh toán số dư nợ đúng hạn cho ACB*". Như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và chấm dứt sử dụng thẻ, đồng thời yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ dư nợ gốc phát sinh còn lại chưa thanh toán trong quá trình sử dụng thẻ số tiền là 84.800.367 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Căn cứ Điều 5.4 của Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng quy định "*Mức lãi suất, phí được quy định chi tiết tại Biểu lãi suất và phí do ACB quy định trong từng thời kỳ…..*". Căn cứ Điều 10 của Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng quy định "*Ngay sau ngày đến hạn thanh toán mà chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền thanh toán tối thiểu thì ACB sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định của ACB*".

Xét, bị đơn thực hiện các giao dịch bằng thẻ tín dụng, giao dịch rút tiền mặt nên phải chịu các khoản phí và lãi quá hạn do chậm thanh toán là phù hợp. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn là 33.428.625 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã thỏa thuận.

Do thời hạn bị đơn không thanh toán số tiền còn thiếu cho nguyên đơn đã lâu làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay số tiền còn thiếu là có căn cứ, nên chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền là 118.228.992 (Một trăm mười tám triệu, hai trăm hai mươi tám ngàn, chín trăm chín mươi hai) đồng [Trong đó nợ gốc là 84.800.367 (Tám mươi bốn triệu, tám trăm ngàn, ba trăm sáu mươi bảy) đồng, tiền lãi quá hạn là 33.428.625 (Ba mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi tám ngàn, sáu trăm hai mươi lăm) đồng].

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 5.911.449 (Năm triệu, chín trăm mười một ngàn, bốn trăm bốn mươi chín) đồng, ông H phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.331.370 (Hai triệu, ba trăm ba mươi mốt ngàn, ba trăm bảy mươi) đồng, theo biên lai thu tiền số 0018825 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nhất Dũng